

Giới thiệu văn bản Pháp Bảo Đàn Kinh tại chùa Đồng Đắc tỉnh Ninh Bình

ISSN: 2734-9195 08:25 14/11/2025

Pháp Bảo Đàn kinh giải của Hương Hải Thiền sư, là một tác phẩm điển Nôm có giá trị về nhiều mặt. Qua khảo sát văn bản tại chùa Đồng Đắc có thể thấy đây là một bản dịch từ chữ Hán sang chữ Nôm theo thể văn xuôi.

Tác giả: **Thích Di Kiên**

Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 11/2025

Tóm tắt: Trong quá trình sưu tầm, số hóa tài liệu Phật giáo tại chùa Đồng Đắc, Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam đã sưu tầm được văn bản tác phẩm Pháp Bảo Đàn kinh (diễn nôm) do Thiền sư Minh Châu Hương Hải giải từ chữ Hán sang chữ Nôm. Đây là một trong nhiều tác phẩm được Thiền sư giải. Nội dung của Pháp Bảo chia làm mười phẩm. 自序品第一□ 般若品第二□ 决疑品第三□ 定慧品第四□ 妙行品第五□ 懺悔品第六□ 機緣品第七□ 頓漸品第八□ 護法品第九□ 付嘱品第十□ Từ phẩm tựa thứ nhất; phẩm Bát nhã thứ hai, phẩm Quyết nghi thứ ba, phẩm Định tuệ thứ tư, phẩm Diệu hạnh thứ năm, phẩm Sám hối thứ sáu, phẩm Cơ duyên thứ bảy, phẩm Đốn tiệm thứ tám, phẩm Hộ pháp thứ chín, phẩm Phó chúc thứ mười. GS Lê Mạnh Thát đã giới thiệu nhiều tác phẩm của Thiền sư Minh Châu Hương Hải nhưng văn bản này chưa được quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là việc nghiên cứu văn bản học, có thể là do chưa tìm thấy nhiều văn bản để đối chiếu so sánh. Vì vậy, lần này chúng tôi xin được giới thiệu văn bản này nhằm cung cấp thêm thông tin đến các nhà nghiên cứu.

Từ khóa: Pháp bảo đàn kinh; Huệ Năng; chùa Đồng Đắc, Minh Châu Hương Hải



1. Kết cấu văn bản

Kết cấu của bản này gồm: Tờ bìa ghi tên Pháp Bảo Đàn kinh, hai bên ghi câu đối:

祖印重光炳炳蓮芳續焰 Tổ ấn trùng quang bỉnh bỉnh liên phương tục diễm

禪宗益振綿綿曇現昭彰 Thiền tông ích chấn miên miên đàm hiện chiêu chương

Tờ 2 khắc hình ảnh 第六祖 法達 偈 Lục Tổ Pháp Đạt

Bài Tựa 重刊寶壇經序 trùng san Pháp Bảo Đàn kinh (3 tờ)

Bài tựa do Quốc tứ Linh Quang Nguyệt Đường tự Thiền tông phụng thị trai tăng chính pháp sự Chánh Tông Hòa thượng Như Nguyệt chứng san soạn tựa.

Phiên dịch quốc ngữ do: Tổ sư huyền cơ Thiền giác Pháp tự Minh Châu Hương Hải Thiền sư.

Ngự chế Lục Tổ Đàn kinh pháp bảo tựa (4 tờ) Nội dung bài tựa như sau:

Chính phái Tào Khê là Thiền sư Đại Giám được Ngũ tổ chân truyền tâm ấn, chính là căn bản của thiền tông vậy.

Kính nghĩ: Bậc nhục thân Bồ tát, mới xuất hiện nơi đời để hóa độ quần sinh. Mở rộng phương tiện thật là xiển dương giáo pháp đốn ngộ. Một đời thuyết pháp, kết tập thành Pháp bảo đàn kinh, tự mình đặt tên, tạo nên mười phẩm. Đó là: Từ phẩm tựa thứ nhất; phẩm Bát nhã thứ hai, phẩm Quyết nghi thứ ba, phẩm Định

tuệ thứ tư, phẩm Diệu hạnh thứ năm, phẩm Sát hối thứ sáu, phẩm Cơ duyên thứ bảy, phẩm Đốn tiệm thứ tám, phẩm Hộ pháp thứ chín, phẩm Phó chúc thứ mười.

Xét thấy: Đại pháp sắp hưng thịnh, ắt có nguyên do dẫn đến. Như thẳng đường có đầu mối, nhập thất có chỗ đến, cho nên đặt làm phẩm thứ nhất vậy. Đã được đầu mối đó, ắt thâm nhập được sự huyền áo. Huyền chỉ Bát nhã chỉ dẫn vào chỗ thâm áo, cho nên lấy Bát nhã làm phẩm thứ hai. Tính đức vốn đủ không khuyết, chỉ phân ra mê ngộ khác đường, trung đạo khó đến, chẳng bằng lựa chọn, nhằm lẫn sẽ rơi vào đường tà, cho nên kế tiếp lấy Quyết nghi làm phẩm thứ ba. Lòng nghi đã đoạn, tự tính tròn sáng, động tĩnh đều quân bình, chỉ quán cũng vận hành, cho nên kế tiếp lấy Định tuệ làm phẩm thứ tư. Định tuệ đã quân bình, sự lý được viên dung, động tĩnh chẳng đổi thay, mới là đại định, cho nên kế tiếp lấy Diệu hạnh làm phẩm thứ năm. Trong chứa diệu hạnh, lý chướng chưa trừ, nghiệp chướng nhiều đời hiện ra, sự chướng khó bỏ. Hai chướng hiện tiền, quả vị khó mà chứng được. Cho nên kế tiếp lấy Sát hối làm phẩm thứ sáu. Nhờ sát hối thâm nhập thật tướng, đạt tới tính không. Tính không tròn sáng, ngay đó giải thoát. Người được giải thoát mới gọi là Vị Tăng chân chính. Cho nên kế tiếp lấy Cơ duyên làm phẩm thứ bảy. Cơ duyên ngẫu nhiên hội ngộ, hoàn toàn nhờ vào căn cơ đời trước. Căn cơ có lợi căn, độn căn, cho nên ngộ đạo có dễ có khó. Cho nên kế tiếp lấy Đốn tiệm làm phẩm thứ tám. Đốn tiệm đã phân rõ, đường tu là ở chính mình, công phu chẳng dễ, hoàng đạo ở người. Dựa vào vua quan làm ngoại hộ Phật pháp. Cho nên lấy Hộ pháp làm phẩm thứ chín. Được người trợ pháp, giao phó cho bậc pháp khí, nối đều tiếp sáng, tiếng thơm lưu truyền muôn thuở. Cho nên lấy Phó chúc là phẩm kết thúc vậy.

Lại thấy: Kinh có phần tựa, giống như lưới có mép lưới, tựa như áo có cổ vậy. Nắm được cương lĩnh thì điều mục theo đó là tỏ bày. Muốn biết rõ nội dung trong kinh, trước xem xét kỹ phần tựa. Bởi đó là diệu chỉ của kinh này vậy.

Trước sau truyền đến nước Nam ta, chưa có phiên dịch ra quốc ngữ. Nay Tổ sư là Huyền Cơ Thiện giác, pháp tự Minh Châu Hương Hải, thiền sư tập hợp thiền đồ, cùng các Thiện tri thức phiên dịch ra quốc ngữ để an bang, hội Uy âm mà khắc ván. Cho nên nói: Dòng thiền Tào Khê mãi mãi nối truyền bởi hai chi Thạch Đầu và Mã Tổ, mà sinh ra năm phái, vun trồng sinh ra ngàn nhánh tranh tươi, nảy ra ức lá ngát hương. Hưng thịnh phồn vinh, chẳng thể chép hết.



Trên chúc cho quốc gia mãi mãi, Phật đạo vô cùng. Cùng trường tồn với trời đất, cùng không già với núi sông. Nay có vị Sa di ni hiệu Thập trụ trì chùa Cự Linh, thôn Cự Linh, xã Hồng Lục, huyện Gia Phúc, cùng với thiện hữu là Sa di tự Hải Triệt, tri thức Sa di ni hiệu Diệu Hộ, cùng hưng công khắc ván, in ấn cúng dàng thập phương, khiến nơi nơi được hồi quang, cho người người được giác ngộ. Đàn na thiện tín trí Bát nhã được hiện tiền, người tùy duyên cúng dàng, tâm Bồ đề sớm chứng ngộ. Cửu huyền thất tổ cùng được nhờ kinh văn. Tám nạn ba đường cùng chiêm pháp lực. Cúi đầu kính cẩn viết tựa.

Phần chính văn:

Quyển 1: 32 tờ, cuối quyển 1 có 5 trang ghi phương danh những người cúng tiền, cúng ván khắc.

海陽省,平江府,錦江县,丹場社,安朗寺,中偃武 三村 福光寺住持僧毘丘字生忍刊供養一卷.

此省县安舍社金莢村花雲寺沙彌字照歡字通 素供四板.

北寧省順安府嘉臨县富 社大陽寺毘丘尼号妙 熹弟子心青妮供三板信老阮氏宣号妙樂武氏后号妙蓮二人三板阮氏锦号妙衡一板阮氏童号妙 何半板, 阮氏找号妙雲一板, 阮氏頂号妙意一板. 阮氏屯号妙錯一板, 阮氏鎖供半板, 阮氏兑号善 全一板, 阮氏甚半板, 阮氏輝二板, 阮氏枉二板, 阮 氏里一板, 阮 []号妙彩一板, 阮氏陀号妙正一板, 阮氏末号妙一板,阮氏當号妙年半板, 陳氏東号竹 半板, 阮森号妙惠半板, 阮氏晟号善輪半板, 阮氏 翼阮氏兑二人一板, 阮氏灵一板, 阮氏倘二板, 阮 氏????半板, 阮氏影半板, 阮氏讀 半板, 阮氏一板, 阮氏思一板, 阮氏[]号妙体一板, 阮氏是号妙成一 板, 阮氏澤半板, 良才縣春????社清光寺比丘字寂 晴護刊宝坛三卷; 信老供号妙顯, 号妙當, 号妙正, 号妙明, 号妙得, 号妙謹; 青林桐溪社号妙呈, 号妙 說, 号妙根, 号妙河, 号妙肅, 号妙盛,号妙長,号妙 莊, 号妙利,号妙班,号妙荣,号妙青,安樂社号妙合, 号妙祥,号妙度,号妙如,号妙青,号妙登,号妙容, 号 妙肅,号妙盛,号妙宝,号妙全,萬年村号妙妨号妙 泰,号妙憫,号妙權, 普願法寶有情共向同生安樂國, 阮氏????号妙淨一板,陳氏表号妙直一板, 阮氏受半 板,阮氏????二板, 阮氏术半板, 阮氏兑一板. 北寧省 順安府嘉臨县吳川社阮德進供一板. 阮增号妙順供半, 阮氏戔号妙爵半. 興安省天施县仰棣社川 村范德大自 群生二板.

平江府唐安县下巨社阮氏 駢号妙徧供一板.

Hải Dương tỉnh, Bình Giang phủ, Cẩm Giang huyện, Đan Trường xã, An Lăng tự Trung Yển Võ tam thôn; Phúc Quang tự trụ trì tăng tử khâu tự Sinh Nhẫn, san cúng dường nhất quyển.

Thử tỉnh huyện An Xá xã, Kim Giáp thôn, Hoa Vân tự Sa Di tự Chiếu Hoan, tự Thông Tổ cúng tứ bản.

Bắc Ninh tỉnh, Thuận An phủ, Gia Lâm huyện, Phú Thụy xã, Đại Dương tự tử khâu ni hiệu Diệu Hy, đệ tử Tâm Thanh ni cung tam bản; tín lão Nguyễn Thị Tuyên hiệu Diệu Lạc, Võ Thị Hậu hiệu Diệu Liên nhị nhân tam bản, Nguyễn Thị Cẩm hiệu Diệu Hoàn nhất bản. Nguyễn Thị Long hiệu Diệu Hà bán bản, Nguyễn Thị Tường hiệu Diệu Vân nhất bản, Nguyễn Thị Đĩnh hiệu Diệu Ý nhất bản. Nguyễn Thị Thuần hiệu Diệu Thác nhất bản; Nguyễn Thị Toả cúng bán bản; Nguyễn Thị Đoài hiệu Thiện Toàn nhất bản; Nguyễn Thị Thâm bán bản; Nguyễn Thị Huy nhị bản; Nguyễn Thị Chanh nhị bản; Nguyễn Thị Lý nhất bản; Nguyễn Muôn hiệu Diệu Thái nhất bản; Nguyễn Thị Đà hiệu Diệu Chính nhất bản; Nguyễn Thị Mùi hiệu Diệu nhất bản; Nguyễn Thị Dương hiệu Diệu Niên bán bản; Trần Thị Đông hiệu Trúc bán bản; Nguyễn Sâm hiệu Diệu Huệ bán bản; Nguyễn Thị Thanh hiệu Thiện Luân bán bản; Nguyễn Thị Dục Nguyễn Thị Đoài nhị nhân nhất bản; Nguyễn Thị Linh nhất bản; Nguyễn Thị Thảng nhị tiết; Nguyễn Thị Con bán bản; Nguyễn Thị Ảnh bán bản; Nguyễn Thị Đọc Dương bán bản; Nguyễn Thị Nhất bán bản; Nguyễn Thị Tư nhất bản; Nguyễn Thị [...] hiệu Diệu Thể nhất bản; Nguyễn Thị Thị hiệu Diệu Thành nhất bản; Nguyễn Thị Trạch bán bản.

Lương Tài huyện, Xuân Quuyến xã Thanh Quang tử khâu tự Tịch Tình hộ san bảo cai tam quyển; tín lão cung hiệu Diệu Vinh, hiệu Diệu Dương, hiệu Diệu Chính, hiệu Diệu Minh, hiệu Diệu Đắc, hiệu Diệu Cẩn, Thanh Lâm, Đồng Khê xã hiệu Diệu Trình, hiệu Diệu Thuyết, hiệu Diệu Cẩn, hiệu Diệu Hà, hiệu Diệu Túc, hiệu Diệu Thịnh, hiệu Diệu Trường, hiệu Diệu Trang, hiệu Diệu Lợi, hiệu Diệu Ban, hiệu Diệu Vinh, hiệu Diệu Thanh, An Lạc xã hiệu Diệu Hợp, hiệu Diệu Đức, hiệu Diệu Tường, hiệu Diệu Độ, hiệu Diệu Như, hiệu Diệu Thanh, hiệu Diệu Đăng, hiệu Diệu Dung, hiệu Diệu Túc, hiệu Diệu Thịnh, hiệu Diệu Bảo, hiệu Diệu Toàn Vạn Niên thôn hiệu Diệu Phương, hiệu Diệu Thái, hiệu Diệu Mẫn, hiệu Diệu Quyển.

Phổ nguyện pháp bảo hữu tình cộng hưởng đồng sinh An Lạc quốc.

Nguyễn Thị Sư hiệu Diệu Tịnh nhất bản, Trần Thị Biểu hiệu Diệu Trực nhất bản, Nguyễn Thị Thụ bán bản, Nguyễn Thị Tham nhị bản, Nguyễn Thị Thuật bán bản, Nguyễn Thị Đoài nhất bản.

Bắc Ninh tỉnh Thuận An phủ Gia Lâm huyện Ngô Xuyên xã Nguyễn Đức Tiến cúng nhất bản.

Nguyễn Tăng hiệu Diệu Thuận cúng dường, Nguyễn Thị Chúc hiệu Diệu Tước bán bản.

Hưng Yên tỉnh Thiên Thi huyện Ngư Cầu xã Xuyên thôn Phạm Đức Đại tự Tê Sinh nhị bản.

Bình Giang phủ Đường An huyện Hạ Cự xã Nguyễn Thị Biền hiệu Diệu Biền cúng nhất bản.

Quyển 2: (26 tờ)

Quyển 3: 24 (tờ)

Quyển 4: 15 (tờ) + 2 trang ghi tên cá nhân hộ san gồm:

青林縣, 仁里社, 桃村施王黎氏嘆号妙欣, 衆子 阮氏釵, 阮氏專, 養子阮廷春妻黎氏蠲, 阮氏孺, 孫 阮氏????, 仝????薦先祖阮貴公至善謚端憲, 阮貴氏号 慈王, 阮相公字清軒, 阮氏号珠, 阮公字忠猷, 謚睿 敏, 阮貴氏端, 謚叔号慈慰, 阮公字杏招号才????, 阮 貴公字妙善, 黎公字廷貫号忠勤敬, 薦良夫阮世???? 字純厚, 外先灵黎公字号福淨, 阮致儒字普光, 阮氏恒号慈等魂.

一檀榔供柿茶社信老院 号妙智, 阮氏春, 阮氏 勁, 阮氏鸞, 阮氏???? 每人供一板.

安浪社莫氏諸号, 阮氏台号妙厚, 喬春□ 山南省 常信府上福縣彰陽社杜有仍妻全家等供二板
□

秋字端, 阮氏平号善緣每人一板

桃村信老黎氏寅, 阮秦号妙晋, 黎氏 号妙省

阮氏質各一板十方信供等

同向偈云

夙緣幸慰吾家人, 刊刻宝????報佛恩

普願一團功共, 同生極樂座金身

Thanh Lâm huyện, Nhân Lý xã, Đào thôn thí vương Lê Thị Thán hiệu diệu Hân, chúng tử Nguyễn Thị Thoa, Nguyễn Thị Chuyên, dưỡng tử Nguyễn Đình Xuân, thê Lê Thị Quyên, Nguyễn Thị Nhụ, tôn Nguyễn Thị Đỏ, đồng kí tiến Tiên Tổ Nguyễn Quý Công Chí Thiện, thụy Đoan Hiến, Nguyễn Quý Thị hiệu Từ Vương,

Nguyễn Tương Công tự Thanh Hiên, Nguyễn Thị, hiệu Châu, Nguyễn Công tự Trung Hiêu, thụy Duệ Mẫn, Nguyễn Quý Thị Đoan, thụy Thúc hiệu Từ Ân, Nguyễn Công tự Thế Chiêu hiệu Tài Chí, Nguyễn Quý Công tự Diệu Thiện, Lê Công tự Đình Quán hiệu Trung Cần, kính tiến lương phu Nguyễn Thế Ba tự Thuần Hậu, ngoại tiên linh Lê Công tự Hiệu Phúc Tịnh, Nguyễn Trí Nho tự Phổ Quang, Nguyễn Thị Hằng hiệu Từ Đức đẳng hồn.

Nhất đàn na cung:

Thị Trà xã tín lão Nguyễn Thủy hiệu diệu Trí, Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Khuông, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Tài, mỗi nhân cúng nhất bản.

Yên Lãng xã, Mạc Thị Chư hiệu Đức, Nguyễn Thị Đài hiệu Diệu Hậu, Kiều Xuân (Sơn Nam tỉnh Thường Tín phủ, Thượng Phúc huyện, Chương Dương xã, Đỗ Hữu Nhưng thê đồng gia đẳng cúng nhị bản)

Thu tự Đức Đoan, Nguyễn Thị Bình hiệu Thiện Duyên, mỗi nhân nhất bản

Đào thôn tín lão Lê Thị Dần, Nguyễn Tần hiệu Diệu Tấn, Lê Thị Cảnh hiệu Diệu Tĩnh

Nguyễn Thị Chất các nhất bản thập phương tín cúng đẳng.

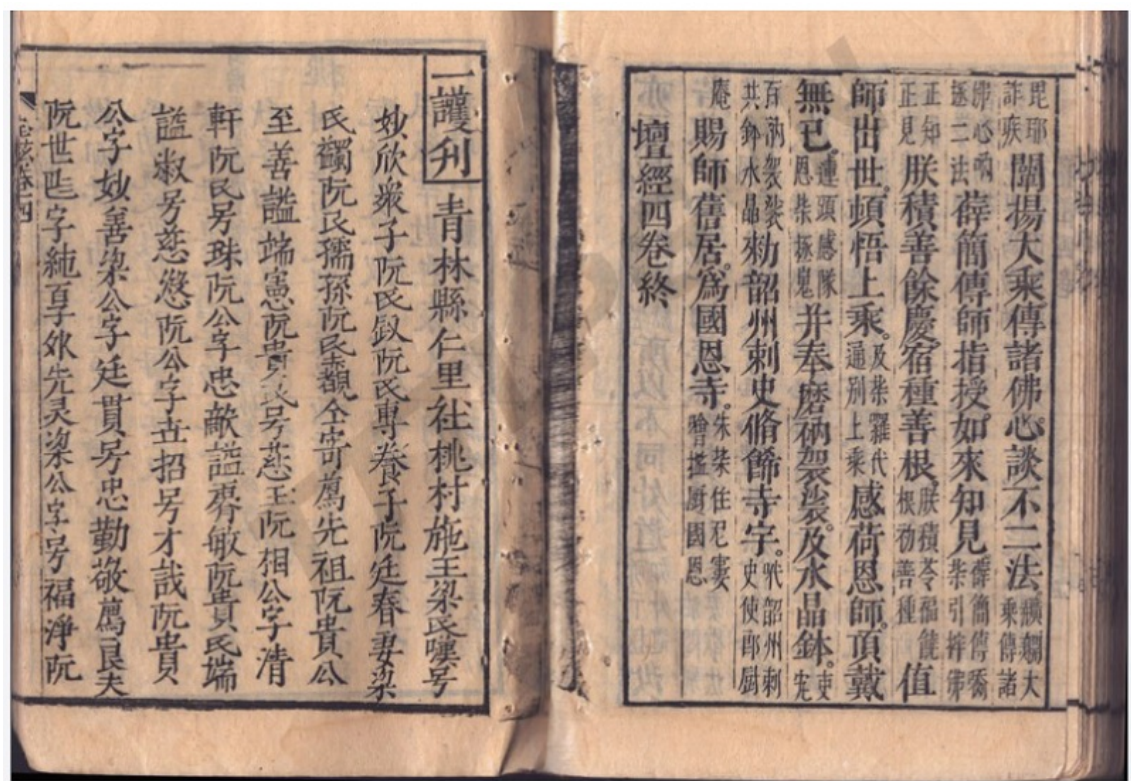
Hồi hướng kệ vãn:

Túc duyên hạnh ngộ thế gia nhân,

San khắc Bảo Đàn báo Phật ân.

Phổ nguyện nhất đoàn công đức cộng,

Đồng sinh Cực Lạc toạ kim thân.



9. Quyển 5: 19 (tờ) + các cá nhân hỗ trợ khắc kinh và 8 trang phương danh:

禪徒助功: 福勝, 海義, 海忠, 海軟, 海麝, 海丹,

海俊, 海璠, 海田, 海名, 海竹, 海知, 海徹, 海底, 海碧, 海南, 貴輓, 海全;
永賴文會武如坦奉寫.

Thiên đồ trợ công: Phúc Thắng, Hải Nghĩa, Hải Trung, Hải Nhuyễn, Hải Xạ, Hải Đan, Hải Tuấn, Hải Phan, Hải Minh, Hải Danh, Hải Trúc, Hải Tri, Hải Tuấn, Hải Đế, Hải Bích, Hải Nam, Quý Nhu, Hải Toàn. Vĩnh Lại Văn hội Vũ Như Thản vâng chép.

2. Kết cấu nội dung và hình thức dịch sang chữ Nôm

Văn bản ngoài phần bài Tựa, chính văn được chia làm 5 quyển. Cụ thể gồm:

壇經一卷: 悟法傳衣第一 Quyển 1: Ngộ pháp truyền y đệ nhất

壇經二卷: 釋功德淨土第二 Quyển 2: Thích công đức tịnh độ đệ nhị

定慧一體第三: Định tuệ nhất thể đệ tam 教授坐禪第四: Giáo thụ tọa thiền đệ tứ
傳香懺悔第五: Truyền hương sám hối đệ ngũ 壇經三卷: 參請機緣第六: Quyển 3:
Tham thỉnh cơ duyên đệ lục

壇經四卷: 南頓北漸第七: Quyển 4: Nam đốn bắc tiệm đệ thất

壇經五卷: 法門對示第九: Quyển 5: Pháp môn đối thị đệ cửu

Dưới đây là cách phiên dịch của Thiền sư Minh Châu Hương Hải, chỉ xin dẫn một số đoạn trong quyển 1.



Để thuận tiện cho việc theo dõi, chúng tôi đã tách từng câu chữ Hán và chữ Nôm để đối chiếu. Trong văn bản gốc, cứ một câu chữ Hán thì tác giả dùng một câu chữ Nôm để giải. Nguyên văn chữ Hán thì khắc chữ lớn, phần giải thì khắc chữ nhỏ.

STT	Nguyên văn câu chữ Hán	Phiên âm Hán Việt	Dịch sang chữ Nôm	Dịch sang tiếng Việt
1.	時大師至寶林	Thời Đại sư chí Bảo Lâm	款意六祖典寶林	Khi ấy Lục tổ đến Bảo Lâm
2.	韶州韋刺史名口	Thiệu Châu Vi Thứ sử danh Cừ	坦韶官刺史戶韋名	đất Thiệu Châu quan Thứ sử họ Vi danh Cừ
3.	與官僚人氏	dữ quan liêu nhân thị	共伴官貝戶尋	cùng bạn quan với họ người
4.	請師出於城中	thỉnh sư xuất ư thành trung	請柴囉徹勸城	thỉnh thầy ra chung trong thành
5.	大梵寺講堂	Đại Phạn tự giảng đường.	厨大梵茹講堂	chùa Đại Phạn nhà giảng đường.

6.	爲衆開緣說，摩訶般若波羅密法	Vì chúng khai duyên thuyết, Ma ha Bát nhã Ba la mật pháp.	爲衆開緣說法，摩訶般若波羅密	Vì chúng mở duyên thuyết pháp Ma ha Bát nhã Ba la mật.
7.	師升坐次	Sư thăng tọa thứ	師蓮座□	Sư lên tòa ngồi,
8.	刺史官僚三十餘人	Thứ sử quan liêu tam thập dư nhân	伴官刺史欣巴迺尋	bạn quan Thứ sử hơn ba mươi người
9.	儒宗學士三十餘人	Nho tông học sĩ tam thập dư nhân,	學路茹儒欣巴迺尋	học trò nhà Nho hơn ba mươi người
10.	僧尼道俗一千餘人 thiên dư nhân,	tăng ni đạo tục nhất	仕妮出家在家欣羨 蔚尋	sãi vãi xuất gia tại gia hơn một nghìn người
11.	同時作禮願聞法要	đồng thời tác lễ nguyện văn pháp yếu.	欺意共搢禮嘆喧 法 冉	khi ấy cùng làm lễ xin nghe pháp nhiệm

3. Tạm kết

Pháp Bảo Đàn kinh giải của Hương Hải Thiền sư, là một tác phẩm điển Nôm có giá trị về nhiều mặt. Qua khảo sát văn bản tại chùa Đồng Đắc có thể thấy đây là một bản dịch từ chữ Hán sang chữ Nôm theo thể văn xuôi.

Nghiên cứu, dịch thuật văn bản này góp phần làm sáng tỏ công lao của Thiền sư Minh Châu Hương Hải đối với Phật giáo Việt Nam. Bên cạnh đó, hệ thống chữ Nôm trong văn bản mà tác giả sử dụng thời bấy giờ còn góp phần làm phong phú cho việc nghiên cứu tiếng Việt.

Đối với việc sử dụng bộ kinh để tu tập nghiên cứu thông qua việc đọc chữ Nôm còn làm tăng khả năng hiểu văn bản Hán, giúp người đọc có thể đối chiếu qua lại giữa hai ngôn ngữ. Trong các nghiên cứu sắp tới, chúng tôi sẽ có sự so sánh đối chiếu các bản Pháp Bảo Đàn kinh khác nhau còn lưu tại một số chùa, nhằm đánh giá đầy đủ giá trị của văn bản, sự dụng công của tác giả khi dịch các đoạn chữ Hán sang chữ Nôm.

Tác giả: **Thích Di Kiên** - Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 11/2025

Tài liệu tham khảo:

Pháp Bảo Đàn kinh, bản chữ Hán-Nôm, lưu tại chùa Đồng Đắc, Ninh Bình.